

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam có kế hoạch, biện pháp cụ thể chỉ đạo cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Thông tư này; định kỳ hàng năm và 5 năm sơ kết, tổng kết nhiệm vụ biệt phái sĩ quan và đề ra biện pháp thực hiện cho những năm sau.

2. Cục Cán bộ - Tổng cục Chính trị, Vụ Công chức, viên chức - Bộ Nội vụ có trách nhiệm kiểm tra, nắm tình hình; đề xuất nhu cầu biệt phái sĩ quan, tổ chức phối hợp giữa đơn vị cử sĩ quan biệt phái và cơ quan sử dụng sĩ quan biệt phái trong việc quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan biệt phái.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, các quy định hướng dẫn trước đây về biệt phái sĩ quan trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các Bộ, cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan đến biệt phái và các đơn vị quân đội phản ánh kịp thời về liên Bộ để xem xét giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Thứ trưởng

Trung tướng Nguyễn Văn Rinh

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thứ trưởng

Nguyễn Trọng Điều

BƯU CHÍNH, VIỆN THÔNG - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên tịch số 01/2004/TTLT-BBCVT-BTC ngày 25/5/2004 hướng dẫn về trách nhiệm, quan hệ phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan đối với thư, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát thư.

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/6/2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25/5/2002;

Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Để đảm bảo công tác quản lý nhà nước của mỗi ngành đúng quy định pháp luật, Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Tài chính thống nhất hướng dẫn về trách nhiệm, quan hệ phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan đối với thư, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát thư như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất

khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính phải làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật tại Chi cục Hải quan Bưu điện Quốc tế (Bưu cục ngoại dịch, Bưu cục cửa khẩu biên giới).

2. Thư xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư được giám sát hải quan theo hình thức niêm phong hải quan đối với bao bì chứa đựng thư.

Thư xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc giám sát bằng các biện pháp nghiệp vụ để đảm bảo quy định của pháp luật.

3. Khi thay mặt chủ hàng trực tiếp làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính (sau đây gọi là Doanh nghiệp bưu chính) có trách nhiệm nộp đủ thuế, lệ phí theo quy định của pháp luật.

4. Địa điểm làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu:

4.1. Bưu cục ngoại dịch là địa điểm làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu và là nơi trao đổi các túi, gói bưu phẩm, bưu kiện quốc tế.

4.2. Bưu cục cửa khẩu biên giới là địa điểm làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu đặt tại cửa khẩu biên giới và là nơi giao

nhận, trao đổi các túi, gói bưu phẩm, bưu kiện quốc tế giữa Việt Nam và nước láng giềng có chung biên giới.

5. Việc thực hiện giám sát hải quan đối với thư xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát thư được thực hiện ngay tại Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi thư xuất khẩu, nhập khẩu.

II. TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP

1. Trách nhiệm của Bộ Bưu chính, Viễn thông:

1.1. Quyết định thành lập Bưu cục ngoại dịch, Bưu cục cửa khẩu biên giới sau khi thống nhất bằng văn bản với Bộ Tài chính.

1.2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra doanh nghiệp bưu chính về các điều kiện và thủ tục thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

2.1. Quyết định thành lập điểm làm thủ tục hải quan và tổ chức hải quan tương ứng tại Bưu cục ngoại dịch, Bưu cục cửa khẩu biên giới trên cơ sở đề nghị của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

2.2. Chỉ đạo Tổng cục Hải quan, căn cứ quy định của pháp luật hướng dẫn thủ tục hải quan đối với bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và thực hiện giám sát

hải quan theo hình thức niêm phong hải quan đối với bao bì chứa đựng thư xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát thư.

3. Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Tài chính phối hợp chỉ đạo các đơn vị liên quan trực thuộc triển khai thực hiện hiện đại hóa quản lý hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu bằng cách:

3.1. Sử dụng các mẫu tờ khai hải quan quốc tế (CN22, CN23) đã được Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU) và Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) thông qua.

3.2. Sử dụng mạng vi tính giữa Doanh nghiệp bưu chính với Chi cục Hải quan Bưu điện Quốc tế.

3.3. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro.

3.4. Phân loại bưu phẩm, bưu kiện để áp dụng các hình thức khai báo hải quan (khai chung, khai miệng, không khai) và kiểm tra hải quan phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý, vừa tạo thuận lợi và giảm chi phí cho hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp bưu chính.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp bưu chính:

4.1. Tiếp nhận các túi, gói bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu dưới sự giám sát của Hải quan; phân loại các túi, gói bưu phẩm, bưu kiện theo quy định chuyên ngành bưu chính; chuyển bưu phẩm, bưu kiện cho cơ quan nhà nước có

thẩm quyền và tổ chức chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện đã được thông quan theo quy định.

4.2. Vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu đúng tuyến đường, đúng địa điểm quy định ghi trong hồ sơ hải quan và chịu sự giám sát hải quan theo hình thức niêm phong hải quan.

Trong quá trình vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện chuyển cửa khẩu phải đảm bảo nguyên trạng bưu phẩm, bưu kiện và niêm phong hải quan. Trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố bất khả kháng phải báo ngay cho cơ quan hải quan hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi gần nhất để lập biên bản xác nhận.

4.3. Đảm bảo đầy đủ hệ thống kho lưu giữ đối với bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu:

- a) Chưa làm thủ tục hải quan;
- b) Chưa hoàn thành thủ tục hải quan;
- c) Đã được thông quan nhưng chưa thực xuất, thực nhập.

4.4. Phối hợp với Chi cục Hải quan Bưu điện Quốc tế trang bị, lắp đặt các thiết bị kiểm tra bưu phẩm, bưu kiện và ứng dụng công nghệ thông tin để quá trình làm thủ tục hải quan được nhanh chóng, thuận lợi.

4.5. Phối hợp chặt chẽ với Chi cục Hải quan Bưu điện Quốc tế làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu thuận lợi,

nhanh chóng và theo quy định của pháp luật.

4.6. Đăng ký trước thời gian làm việc thường xuyên và các trường hợp đột xuất với Chi cục Hải quan Bưu điện Quốc tế; bố trí văn phòng làm việc và các điều kiện cần thiết cho Chi cục Hải quan Bưu điện Quốc tế tại các địa điểm làm thủ tục hải quan.

5. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư (sau đây gọi là Doanh nghiệp chuyển phát thư):

Phối hợp chặt chẽ với Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi thư xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện giám sát hải quan đối với thư xuất khẩu, nhập khẩu thuận lợi, nhanh chóng và theo quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

6.1. Thực hiện việc giám sát hải quan đối với thư, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu và làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu theo các quy định của Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn liên quan.

6.2. Bố trí đủ nhân lực, thời gian làm việc đảm bảo thông quan nhanh chóng, thuận tiện, phù hợp yêu cầu hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp bưu chính, Doanh nghiệp chuyển phát thư để giải quyết thủ tục hải quan đối với bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; thực hiện giám sát hải quan

theo hình thức niêm phong hải quan đối với bao bì chứa thư xuất khẩu, nhập khẩu của Doanh nghiệp bưu chính, Doanh nghiệp chuyển phát thư và lập phiếu chuyển đối với trường hợp được phép chuyển cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

6.3. Giám sát hải quan khi doanh nghiệp bưu chính tiếp nhận bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu để phân loại và khi hoàn thành thủ tục để chuyển bưu phẩm, bưu kiện tới Bưu chính nước thứ ba, Bưu cục ngoại dịch và Bưu cục cửa khẩu biên giới.

6.4. Xác nhận trên biên bản lập giữa doanh nghiệp bưu chính hoặc doanh nghiệp chuyển phát thư và hãng vận chuyển đối với những sai sót xảy ra với các túi/gói thư, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình vận chuyển (thừa thiếu túi, gói thư, bưu phẩm, bưu kiện hoặc túi, gói bị suy sứt, ẩm ướt và các trường hợp bất thường khác).

6.5. Chủ động phối hợp với lực lượng kiểm soát chống buôn lậu hải quan các cấp và doanh nghiệp bưu chính để phát hiện kịp thời bưu phẩm, bưu kiện vi phạm pháp luật, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

6.6. Phân công cán bộ, công chức hải quan làm việc theo thời gian mà Doanh nghiệp bưu chính đã đăng ký trước và đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước về

hải quan trên cơ sở quy chế phối hợp làm việc giữa hai đơn vị.

7. Hoàn trả tiền thuế:

7.1. Bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu được hoàn lại các khoản thuế đã nộp bao gồm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) trong các trường hợp sau đây:

a) Không phát được cho người nhận phải chuyển hoàn về nước gốc;

b) Có hàng hóa thuộc loại hình hàng miễn thuế (như gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất, quà tặng và các trường hợp khác) nhưng khi làm thủ tục hải quan Doanh nghiệp bưu chính khai báo theo loại hình phải nộp thuế;

c) Có hàng hóa thuộc loại hình được phép miễn thuế;

d) Phải nộp thuế tăng do Hải quan tính nhầm;

e) Được xác định là vô thừa nhận theo quy định của pháp luật.

7.2. Thủ tục, trình tự hoàn trả tiền thuế được thực hiện theo các quy định của pháp luật. Số thuế hoàn lại được trừ vào số thuế mà doanh nghiệp bưu chính phải nộp kỳ sau.

8. Truy thu tiền thuế:

8.1. Đối tượng nộp tiền truy thu thuế là chủ sở hữu bưu phẩm (trừ thư), bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu.

8.2. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm phối hợp với Chi cục Hải quan

Bưu điện quốc tế để tiến hành truy thu thuế theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc và các doanh nghiệp liên quan chấp hành nghiêm túc hướng dẫn của liên Bộ tại Thông tư này, đồng thời thống nhất chỉ đạo giải quyết những vướng mắc phát sinh, những kiến nghị đề xuất từ các đơn vị trực thuộc và các doanh nghiệp liên quan trong quá trình thực hiện Thông tư.

2. Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Tài chính thông báo cho nhau về việc sửa đổi, bổ sung các quy định thuộc lĩnh vực mình quản lý liên quan đến thư, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu ít nhất 30 ngày trước khi triển khai thực hiện để hai bên cùng bàn bạc các biện pháp phối hợp.

3. Doanh nghiệp bưu chính và Chi cục Hải quan Bưu điện Quốc tế có trách nhiệm cùng xây dựng quy chế phối hợp làm việc bao gồm các nội dung liên quan đến thời gian làm việc ngoài giờ hành chính của hải quan; định kỳ 12 tháng cùng tổ chức tổng kết, đánh giá công tác phối hợp giữa hai cơ quan, rút kinh nghiệm, đề xuất biện pháp tháo gỡ vướng mắc (nếu có) và báo cáo lãnh đạo mỗi ngành.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT-

TCBD-TCHQ ngày 11/12/1998 của Tổng cục Bưu điện và Tổng cục Hải quan và các văn bản hướng dẫn liên quan khác./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG
Thứ trưởng

Trần Ngọc Bình

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Thứ trưởng

Trương Chí Trung

**BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG -
NỘI VỤ**

**THÔNG TƯ liên tịch số 02/2004/
TTLT-BBCVT-BNV ngày
27/5/2004 hướng dẫn chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Bưu
chính, Viễn thông thuộc Ủy
ban nhân dân tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương.**

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP

ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 101/2004/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2004 của Chính phủ về thành lập Sở Bưu chính, Viễn thông thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Liên bộ Bộ Bưu chính, Viễn thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Bưu chính, Viễn thông giúp Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tại địa phương như sau:

I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Sở Bưu chính, Viễn thông là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh); tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, Internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện và cơ sở hạ tầng thông tin (gọi chung là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin); quản lý các dịch vụ công về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Sở Bưu chính, Viễn thông chịu sự chỉ